

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt dự toán**

**Gói thầu số 10: Cung cấp và vận chuyển máy biến áp 220kV - 250MVA**

**Gói thầu số 11: Cung cấp và vận chuyển VTTB nhất thứ**

**Gói thầu số 12: Cung cấp và vận chuyển VTTB nhì thứ, VTTB thông tin**

**Dự án: Trạm biến áp 220kV Móng Cái**

**GIÁM ĐỐC**

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN BẮC**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-HĐTV ngày 01/6/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) về việc ban hành Quy chế phân cấp trong EVNNPT;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-EVNNPT ngày 19/12/2025 của EVNNPT về việc phê duyệt dự án Trạm biến áp 220kV Móng Cái (gọi tắt là dự án);

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-EVNNPT ngày 23/01/2026 của EVNNPT Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 3 của dự án;

Căn cứ các Thông báo: số 1018/TB-NPMB ngày 30/01/2026 Kết luận của Giám đốc Nguyễn Khắc Nhân tại cuộc họp Giao ban tuần 05/2026 từ ngày 26/01/2026 đến ngày 30/01/2026 của NPMB; số 1834/TB-NPMB ngày 4/3/2026 Kết luận của Giám đốc Nguyễn Khắc Nhân tại cuộc họp Giao ban tháng 02/2026 và triển khai nhiệm vụ, kế hoạch tháng 3/2026 của NPMB;

Căn cứ các văn bản: số 747/EVNNPT-ĐTXD ngày 5/02/2026 của EVNNPT V/v ĐTGT số 10, 11 và 12 của dự án; số 1076/EVNNPT-ĐTXD ngày 28/02/2026 của EVNNPT V/v kế hoạch triển khai các dự án TBA 220 kV Móng Cái và ĐD 220kV Hải Hà - Móng Cái;

Căn cứ Báo cáo số 364/TĐ ngày 4/3/2026 của phòng Thẩm định Về việc Phê duyệt dự toán cho các gói thầu VTTB (số 10, 11, 12) của dự án;

Căn cứ Văn bản số 0169/VNL-TT1 ngày 26/01/2026 của Viện Năng lượng V/v giao nộp Dự toán gói thầu số 8, 10, 11, 12 thuộc KHLCNT đợt 3 của dự án (kèm theo hồ sơ dự toán);

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 365/TĐ ngày 4/3/2026 Về việc Phê duyệt dự toán cho các gói thầu số 10, 11, 12 của dự án;

Căn cứ Giấy Ủy quyền số 1890/GUQ-NPMB ngày 6/3/2026 của NPMB;  
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Thẩm định.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán cho các gói thầu số 10: Cung cấp và vận chuyển máy biến áp 220kV - 250MVA; Gói thầu số 11: Cung cấp và vận chuyển VTTB nhất thứ; Gói thầu số 12: Cung cấp và vận chuyển VTTB nhị thứ, VTTB thông tin thuộc dự án Trạm biến áp 220kV Móng Cái làm cơ sở phục vụ lập HSMT, cụ thể như sau:

- Gói thầu số 10 với giá trị: 42.611.249.000 đồng;
  - Gói thầu số 11 với giá trị: 91.431.184.000 đồng;
  - Gói thầu số 12 với giá trị: 67.486.726.000 đồng;
- chi tiết như phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Giao các phòng liên quan:

- Dự toán được phê duyệt làm cơ sở phục vụ lập HSMT. Sau khi có Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được duyệt, sẽ thực hiện phê duyệt DTGT cập nhật và chuẩn xác lại khối lượng, thông số thiết bị các gói thầu trên (nếu cần thiết).

- Dự toán được thẩm định phê duyệt với mức thuế VAT là 10%, các phòng liên quan chuẩn xác lại mức thuế suất trong các bước tiếp theo theo quy định.

**Điều 3.** Các ông/(bà) Trưởng các phòng chức năng thuộc Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- EVNNPT (b/cáo);
- Ô: N.K.Nhân - GD (b/cáo);
- Ô: L.V.Khải - PGĐ;
- KH, TCKT, ĐT;
- Lưu: VT, TĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Khải**

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN**

Tên dự án: TBA 220kV Móng Cái

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-NPMB ngày /3/2026 của NPMB)

**Gói thầu số 10: Cung cấp và vận chuyển máy biến áp 220kV - 250MVA**

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị trước VAT	Thuế VAT	Giá trị sau VAT	Dự phòng trượt giá tính cho 180 ngày	Tổng cộng (làm tròn)
<b>I</b>	<b>Gói thầu số 10: Cung cấp và vận chuyển máy biến áp 220kV - 250MVA</b>	<b>38.226.624.085</b>	<b>3.822.662.408</b>	<b>42.049.286.493</b>	<b>561.962.793</b>	<b>42.611.249.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí mua sắm MBA tự ngẫu, 3pha, 225/115/23kV-250MVA (Kèm phụ kiện trọn bộ)</b>	<b>36.602.000.000</b>	<b>3.660.200.000</b>	<b>40.262.200.000</b>		
1.1	<i>Dịch vụ giám sát, hướng dẫn lắp đặt, thử nghiệm và nghiệm thu vận hành</i>	<i>Đã bao gồm trong đơn giá</i>				
<b>2</b>	<b>Chi phí vận chuyển MBA 220kV-250MVA đến công trình</b>	<b>1.588.022.085</b>	<b>158.802.208</b>	<b>1.746.824.293</b>		
<b>3</b>	<b>Chi phí bảo hiểm vận chuyển thiết bị (0,1%)</b>	<b>36.602.000</b>	<b>3.660.200</b>	<b>40.262.200</b>		
<b>II</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>510.875.267</b>	<b>51.087.527</b>	<b>561.962.793</b>		
	<i>Dự phòng khối lượng</i>	0	0	0		
	<i>Dự phòng trượt giá</i>	510.875.267	51.087.527	561.962.793		
	<b>Tổng cộng gói thầu số 10:</b>	<b>38.226.624.085</b>	<b>3.822.662.408</b>	<b>42.049.286.493</b>	<b>561.962.793</b>	<b>42.611.249.287</b>
	<b>Làm tròn</b>	<b>38.226.624.000</b>	<b>3.822.662.000</b>	<b>42.049.286.000</b>	<b>561.963.000</b>	<b>42.611.249.000</b>

**Gói thầu số 11: Cung cấp và vận chuyển VTTB nhất thứ**

*Đơn vị: đồng*

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Giá trị trước VAT</b>	<b>Thuế VAT</b>	<b>Giá trị sau VAT</b>	<b>Dự phòng trượt giá tính cho 180 ngày</b>	<b>Tổng cộng (làm tròn)</b>
<b>I</b>	<b>Gói thầu số 11: Cung cấp và vận chuyển VTTB nhất thứ</b>	<b>82.023.069.922</b>	<b>8.202.306.992</b>	<b>90.225.376.914</b>	<b>1.205.806.544</b>	<b>91.431.183.000</b>
<b>1</b>	<b>Mua sắm thiết bị nhất thứ nhập ngoại</b>	<b>64.685.314.084</b>	<b>6.468.531.408</b>	<b>71.153.845.492</b>		
1.1	<i>Mua sắm thiết bị</i>	64.018.273.035	6.401.827.304	70.420.100.339		
1.2	<i>Vận chuyển thiết bị đến công trình</i>	110.082.073	11.008.207	121.090.281		
1.3	<i>Chi phí lưu kho, bảo quản thiết bị (0,3%)</i>	192.054.819	19.205.482	211.260.301		
1.4	<i>Chi phí làm thủ tục nhập cảng, tiếp nhận (0,57%)</i>	364.904.156	36.490.416	401.394.572		
<b>2</b>	<b>Mua sắm vật liệu nhập ngoại</b>	<b>7.432.494.101</b>	<b>743.249.410</b>	<b>8.175.743.511</b>		
<b>3</b>	<b>Mua sắm vật liệu điện trong nước</b>	<b>9.400.115.928</b>	<b>940.011.593</b>	<b>10.340.127.521</b>		
<b>4</b>	<b>Chi phí bảo hiểm vận chuyển thiết bị điện (0,1%)</b>	<b>64.018.273</b>	<b>6.401.827</b>	<b>70.420.100</b>		
<b>5</b>	<b>Kiểm định đo lường thiết bị: biến dòng điện, biến điện áp</b>	<b>441.127.536</b>	<b>44.112.754</b>	<b>485.240.289</b>		
<b>II</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>1.096.187.767</b>	<b>109.618.777</b>	<b>1.205.806.544</b>		
	<i>Dự phòng khối lượng</i>	0	0	0		
	<i>Dự phòng trượt giá</i>	1.096.187.767	109.618.777	1.205.806.544		
	<b>Tổng cộng gói thầu số 11:</b>	<b>82.023.069.922</b>	<b>8.202.306.992</b>	<b>90.225.376.914</b>	<b>1.205.806.544</b>	<b>91.431.183.458</b>
	<b>Làm tròn</b>	<b>82.023.070.000</b>	<b>8.202.307.000</b>	<b>90.225.377.000</b>	<b>1.205.807.000</b>	<b>91.431.184.000</b>

**Gói thầu số 12: Cung cấp và vận chuyển VTTB nhị thứ, VTTB thông tin**

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị trước VAT	Thuế VAT	Giá trị sau VAT	Dự phòng trượt giá tính cho 180 ngày	Tổng cộng (làm tròn)
<b>I</b>	<b>Gói thầu số 12: Cung cấp và vận chuyển VTTB nhị thứ, VTTB thông tin</b>	<b>60.542.456.394</b>	<b>6.054.245.639</b>	<b>66.596.702.034</b>	<b>890.023.870</b>	<b>67.486.726.000</b>
<b>1</b>	<b>Mua sắm thiết bị nhị thứ nhập ngoại</b>	<b>59.265.590.867</b>	<b>5.926.559.087</b>	<b>65.192.149.953</b>		
1.1	Mua sắm thiết bị nhị thứ	43.490.182.400	4.349.018.240	47.839.200.640		
1.2	Phần mua vật liệu điện trong nước	10.843.057.400	1.084.305.740	11.927.363.140		
1.3	Phần mua vật liệu điện hệ thống viễn thông	62.420.400	6.242.040	68.662.440		
1.4	Mua sắm thiết bị thông tin	4.304.834.252	430.483.425	4.735.317.677		
1.5	Hệ thống camera giám sát	321.917.404	32.191.740	354.109.144		
1.6	Hệ thống camera chống đột nhập	222.861.227	22.286.123	245.147.350		
1.7	Chi phí vận chuyển thiết bị đến công trình	20.317.784	2.031.778	22.349.562		
<b>2</b>	<b>Chi phí bảo hiểm vận chuyển thiết bị (0,1%)</b>	<b>48.339.795</b>	<b>4.833.980</b>	<b>53.173.775</b>		
<b>3</b>	<b>Mua vật liệu hệ thống viễn thông trong nước</b>	<b>45.732.000</b>	<b>4.573.200</b>	<b>50.305.200</b>		
<b>4</b>	<b>Hệ thống camera giám sát và chống đột nhập</b>	<b>1.182.793.732</b>	<b>118.279.373</b>	<b>1.301.073.106</b>		
4.1	Lắp đặt và thí nghiệm hệ thống camera giám sát	250.371.381	25.037.138	275.408.519		
4.2	Lắp đặt hệ thống camera chống đột nhập	932.422.352	93.242.235	1.025.664.587		
<b>II</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>809.112.609</b>	<b>80.911.261</b>	<b>890.023.870</b>		
	Dự phòng khối lượng	0	0	0		
	Dự phòng trượt giá	809.112.609	80.911.261	890.023.870		
	<b>Tổng cộng gói thầu số 12:</b>	<b>60.542.456.394</b>	<b>6.054.245.639</b>	<b>66.596.702.034</b>	<b>890.023.870</b>	<b>67.486.725.904</b>
	<b>Làm tròn</b>	<b>60.542.456.000</b>	<b>6.054.246.000</b>	<b>66.596.702.000</b>	<b>890.024.000</b>	<b>67.486.726.000</b>